

Số: 894 /KH-SYT

An Giang, ngày 08 tháng 4 năm 2020

KẾ HOẠCH

Thực hiện Đề án “Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGĐ cho vị thành niên/ thanh niên” năm 2020

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-BYT ngày 15/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cho vị thành niên/ thanh niên giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện Quyết định số 1824/QĐ-UBND ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc thực hiện Đề án “Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGĐ cho vị thành niên/ thanh niên” giai đoạn 2018 - 2020.

Sở Y tế tỉnh An Giang xây dựng kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGĐ cho vị thành niên/ thanh niên” năm 2020 cụ thể như sau:

I. Mục tiêu, chỉ tiêu

1. Mục tiêu

Đáp ứng nhu cầu kế hoạch hóa gia đình của vị thành niên/ thanh niên, góp phần giảm tình trạng mang thai ngoài ý muốn và nâng cao chất lượng dân số, nhằm thực hiện thành công Chiến lược Dân số - Sức khỏe sinh sản Việt Nam giai đoạn 2011-2020.

2. Chỉ tiêu thực hiện

- 55% vị thành niên/ thanh niên hiểu biết cơ bản về một số vấn đề Dân số - KHHGĐ như các biện pháp tránh thai, tác hại của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân.
- Giảm nhu cầu KHHGĐ chưa được đáp ứng của vị thành niên/ thanh niên xuống còn 15% vào năm 2020.
- Giảm 20% số vị thành niên/ thanh niên có thai ngoài ý muốn.
- Tăng tỷ lệ điểm cung cấp dịch vụ Dân số- KHHGĐ vị thành niên/ thanh niên lên 20% tại địa bàn triển khai.
- 80% cấp ủy Đảng, chính quyền có văn bản chỉ đạo tạo môi trường xã hội, ủng hộ vị thành niên/ thanh niên.
- 50% cha mẹ có con trong tuổi vị thành niên/ thanh niên ủng hộ, hướng dẫn, hỗ trợ con cái chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ Dân số - KHHGĐ.

II. Đối tượng và địa bàn

1. Đối tượng

- Đối tượng đích: Vị thành niên, thanh niên

- Đối tượng tham gia: Cơ quan y tế; các cấp ủy Đảng, Chính quyền, Ban, ngành, đoàn thể và gia đình, nhà trường, cộng đồng, xã hội.

2. Địa bàn triển khai

Kế hoạch được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh. Trong đó có: 49 trường THPT và 09 khu công nghiệp (có danh sách kèm theo).

III. Nội dung và hoạt động chủ yếu

1. Truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi

1.1. Lồng ghép với các hoạt động truyền thông trong chương trình Dân số

- Tổ chức nói chuyện chuyên đề cho vị thành niên/thanh niên tại cơ sở về giới, bình đẳng giới, DS-KHHGD.

- Lồng ghép nội dung truyền thông Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên vào các hoạt động thường xuyên của các ban, ngành, đoàn thể.

- Tăng cường truyền thông Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên trên các chuyên trang, chuyên mục, báo đài, trang thông tin điện tử địa phương.

- Tiếp tục thực hiện việc giáo dục giới tính, bình đẳng giới, Dân số - KHHGD thông qua việc lồng ghép các nội dung vào các môn học, cấp học trong hệ thống giáo dục.

- Cung cấp tờ rơi về vị thành niên/thanh niên cho các câu lạc bộ. Xây dựng panô tuyên truyền về vị thành niên/thanh niên cho các huyện, thị, thành phố.

1.2. Hoạt động truyền thông chuyên biệt

- Truyền thông thông qua gia đình

Tổ chức các hoạt động truyền thông chuyên biệt nhằm cung cấp thông tin, kiến thức, kỹ năng thực hành về Dân số - KHHGD của vị thành niên/thanh niên cho các bậc làm cha làm mẹ, ông bà, anh chị trong gia đình của vị thành niên/thanh niên để từ đó họ có kiến thức, kỹ năng giáo dục vị thành niên/thanh niên về Dân số - KHHGD.

- Phối hợp với ngành giáo dục

Xây dựng và duy trì các mô hình/góc truyền thông giáo dục do giáo viên được trang bị kiến thức, kỹ năng về Dân số-KHHGD cho vị thành niên/thanh niên chủ trì thực hiện. Các mô hình/góc này sẽ thu hút học sinh tham gia sinh hoạt ngoài giờ lên lớp về các chuyên đề Dân số-KHHGD, hôn nhân, tầm soát bệnh tật bẩm sinh, tham gia các cuộc thi kiến thức, thi tìm hiểu về các vấn đề Dân số - KHHGD.

Phối hợp truyền thông giáo dục giữa các đơn vị của hệ thống Dân số - KHHGD với các nhà trường (49 trường PTTH) thực hiện các hoạt động truyền thông giáo dục về Dân số - KHHGD cho học sinh.

- Phối hợp với Đoàn Thanh niên, Hội phụ nữ, Công đoàn, chủ doanh nghiệp, các tổ chức xã hội:

Tổ chức các hoạt động truyền thông đặc thù cho các thành viên của các đoàn thể, thanh niên lao động tham gia sinh hoạt, tìm hiểu các chuyên đề Dân số - KHHGD, hôn nhân và tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về các vấn đề Dân số -

KHHGD nhằm tăng sức khỏe người lao động, tăng khả năng tái tạo sức lao động.

- **Đơn vị thực hiện:** *Chi cục Dân số - KHHGD và các đơn vị có liên quan.*

2. Củng cố, hoàn thiện hệ thống cung cấp dịch vụ Dân số-KHHGD cho vị thành niên/thanh niên

2.1. Các hoạt động lồng ghép với các hoạt động cung cấp dịch vụ Dân số/SKSS/KHHGD

- Duy trì và củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ DS/SKSS/KHHGD an toàn, thuận tiện, thân thiện với vị thành niên/thanh niên.

- Hướng dẫn các hiệu thuốc, người bán lẻ không phân biệt, bảo đảm bí mật, tính riêng tư khi cung cấp các phương tiện tránh thai, hàng hóa KHHGD cho vị thành niên/thanh niên.

- Trang bị kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ tư vấn, cung cấp dịch vụ chuyên biệt cho vị thành niên/thanh niên như tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, các yếu tố nguy cơ đến bệnh tật bẩm sinh cho VTN/TN trước khi đăng ký kết hôn.

2.2. Các hoạt động cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD chuyên biệt

Xây dựng điểm cung cấp dịch vụ thân thiện với VTN/TN như: “điểm dịch vụ thân thiện”, “phòng khám thân thiện”... cho vị thành niên/thanh niên tại cơ sở y tế của khu công nghiệp, khu vực có đông thanh niên lao động di cư, tại các huyện, thị, thành phố...; Thời giờ cung cấp dịch vụ linh hoạt, các cơ chế phù hợp.

2.3. Xây dựng các mô hình chuyên biệt

- **Mô hình truyền thông, cung cấp dịch vụ DS-KHHGD cho thanh niên trong tại các khu công nghiệp**

Trung tâm Y tế (Phòng Dân số) các huyện, thị, thành phố phối hợp với các khu công nghiệp tổ chức xây dựng và triển khai hoạt động của mạng lưới tuyên truyền viên tại khu công nghiệp, triển khai các hoạt động

- Tổ chức nói chuyện chuyên đề, trang bị kiến thức về CSSKSS cho công nhân, người lao động tại các khu công nghiệp.

- Lồng ghép các nội dung về DS-KHHGD vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ do các khu công nghiệp tổ chức.

- Lồng ghép các nội dung tuyên truyền thông qua các buổi họp tổ sản xuất, họp nhóm hoặc các hoạt động trong thời gian ăn trưa...tại nhà máy, xí nghiệp.

- Lồng ghép cung cấp thông tin về SKSS/KHHGD vào các Câu lạc bộ sẵn có hoặc thành lập các câu lạc bộ.

- Tổ chức tuyên truyền vận động lồng ghép cung cấp các dịch vụ CSSKSS và phương tiện tránh thai cho các đối tượng.

- Cung cấp tài liệu tuyên truyền về nội dung chăm sóc SKSS/KHHGD.

- **Mô hình truyền thông về Dân số - KHHGD, SKSS cho vị thành niên/thanh niên trong nhà trường.**

Trung tâm Y tế (Phòng Dân số) các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với nhà trường xây dựng các “góc thân thiện” trong nhà trường, góc thân thiện có thể được thực hiện dưới 02 hình thức:

+ Góc thân thiện đặt tại thư viện hoặc phòng sinh hoạt chung: cung cấp các tài liệu về giáo dục giới tính, hôn nhân – gia đình, các kiến thức về Dân số - KHHGĐ, chăm sóc SKSS.

+ Góc thân thiện online: Ngoài việc cung cấp các tài liệu liên quan đến Dân số - KHHGĐ/ SKSS, góc thân thiện online còn có thể giải đáp trực tiếp các

Lồng ghép nội dung giáo dục giới tính, bình đẳng giới, Dân số - KHHGĐ vào các môn học, cấp học, hỗ trợ xây dựng và duy trì chuyên trang, chuyên mục về giáo dục giới tính, bình đẳng giới, DS - KHHGĐ trên website hoặc trang facebook của nhà trường, tổ chức cuộc thi tìm hiểu kiến thức về các vấn đề Dân số - KHHGĐ online (thông qua website hoặc trang facebook của nhà trường) hoặc tổ chức dưới dạng các cuộc hội thi, hội diễn...

- **Đơn vị thực hiện:** Trung tâm Y tế (Phòng Dân số) các huyện, thị, thành phố

3. Thực hiện các mô hình chuyên biệt

- *Mô hình truyền thông về Dân số - KHHGĐ, SKSS cho vị thành niên/thanh niên trong nhà trường.*

+ Xây dựng và nhân rộng các mô hình/góc truyền thông giáo dục do giáo viên được trang bị kiến thức, kỹ năng về Dân số - KHHGĐ cho vị thành niên/thanh niên chủ trì thực hiện

+ Phối hợp với 49 trường PTTH thực hiện các hoạt động truyền thông giáo dục về Dân số - KHHGĐ cho học sinh, sinh viên.

+ Tổ chức cuộc thi tìm hiểu kiến thức về các Dân số - KHHGĐ bằng hình thức online (thông qua website hoặc trang facebook của nhà trường) hoặc tổ chức dưới dạng các cuộc hội thi, hội diễn...

- **Đơn vị thực hiện:** Trung tâm Y tế (Phòng Dân số) các huyện, thị xã, thành phố

4. Tạo môi trường gia đình, xã hội thân thiện

- Tham mưu với các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo đối với các hoạt động của kế hoạch nói riêng cũng như đối với vị thành niên/thanh niên nói chung

- Cung cấp thông tin, vận động các chức sắc tôn giáo, người có uy tín trong cộng đồng tham gia truyền thông Dân số - KHHGĐ, thay đổi quan niệm không tích cực với vị thành niên/thanh niên, ủng hộ vị thành niên/thanh niên được chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và kỹ năng thực hiện các dịch vụ Dân số-KHHGĐ và giáo dục lối sống lành mạnh cho vị thành niên/thanh niên.

- Cung cấp thông tin, truyền thông cho các bậc cha mẹ, ông bà, anh chị của vị thành niên/thanh niên về lợi ích của việc bảo đảm cho vị thành niên/thanh niên được chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và kỹ năng thực hiện các dịch vụ Dân số-KHHGĐ.

- Cung cấp thông tin và vận động các tổ chức xã hội, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện các biện pháp bảo đảm cho vị thành niên/thanh niên được chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức, thực hiện dịch vụ Dân số - KHHGĐ; tham gia công tác truyền thông, cung cấp dịch vụ trong khả năng cho phép.

- Thực hiện chính sách trợ giúp vị thành niên/thanh niên thuộc hộ nghèo, đối

tượng chính sách xã hội, cư trú ở vùng khó khăn được hưởng các dịch vụ miễn phí về tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân, khám phát hiện bệnh Thalasamira và các yếu tố nguy cơ đến bệnh tật bẩm sinh.

- Tăng cường xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ Dân số - KHHGĐ cho vị thành niên/thanh niên. Đề xuất xây dựng các cơ chế tiếp thị xã hội, cơ chế thị trường, cơ chế huy động nguồn lực nhằm huy động sự đóng góp của vị thành niên/thanh niên, giảm bớt áp lực đối với ngân sách Nhà nước.

- *Đơn vị thực hiện:* Chi cục Dân số - KHHGĐ và các đơn vị liên quan.

5. Công tác kiểm tra giám sát

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch tại địa phương theo kế hoạch định kỳ và đột xuất.

- *Đơn vị thực hiện:* Chi cục Dân số - KHHGĐ và các đơn vị liên quan.

IV. Kinh phí và cơ chế quản lý

1. Kinh phí

Kinh phí thực hiện kế hoạch năm 2020 là: 300.000.000 đồng (Có phụ lục đính kèm) theo Quyết định số 4045/QĐ-SYT ngày 27/12/2019.

2. Cơ chế phối hợp quản lý và điều hành

Cơ chế quản lý và điều hành kế hoạch thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý nguồn vốn sự nghiệp y tế/dân số và xã hội hóa công tác y tế/dân số. Chi cục Dân số - KHHGĐ chịu trách nhiệm thực hiện việc điều hành các hoạt động của kế hoạch; phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc triển khai kế hoạch; tổ chức các hoạt động theo hướng dẫn.

V. Tổ chức thực hiện

1. Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

- Là cơ quan thường trực làm đầu mối tổng hợp giúp Sở Y tế trong việc phối hợp với các Sở, ngành, đoàn thể có liên quan, triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch này.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện, tổ chức sơ kết, tổng kết hàng năm; tham mưu Sở Y tế báo cáo kết quả thực hiện gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Y tế.

- Chủ động phối hợp với các đơn vị y tế các cấp để thực hiện các hoạt động có liên quan.

2. Phòng Kế hoạch - Tài chính (Sở Y tế)

- Phối hợp với Chi cục Dân số - KHHGĐ hàng năm phân bổ ngân sách thực hiện theo kế hoạch; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc sử dụng kinh phí thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác liên quan.

3. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh

3.1. Khoa sức khỏe sinh sản)

- Phối hợp với Chi cục Dân số - KHHGĐ trong việc thực hiện hướng dẫn chuẩn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

- Theo dõi, giám sát đánh giá chất lượng việc thực hiện kế hoạch.
- Làm đầu mối chỉ đạo, tổng hợp báo cáo các hoạt động cung cấp dịch vụ kỹ thuật lâm sàng liên quan đến sức khỏe bà mẹ, sức khỏe trẻ em, sức khỏe vị thành niên/thanh niên.

3.2. Khoa truyền thông giáo dục sức khỏe

- Phối hợp với Chi cục Dân số - KHHGĐ thực hiện các nội dung về phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về Dân số - KHHGĐ đối với vị thành niên/thanh niên cho cộng đồng và xã hội.
- Hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố thực hiện các hoạt động nâng cao năng lực truyền thông, tư vấn ở địa phương.

4. Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố

- Nâng cao chất lượng dịch vụ Dân số - KHHGĐ cho vị thành niên/thanh niên tại tất cả các cơ sở cung cấp dịch vụ.
- Tăng cường chất lượng cung cấp các dịch vụ tư vấn và kiểm tra sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc, chẩn đoán trước khi sinh và sơ sinh; xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGĐ thân thiện, phù hợp với vị thành niên/thanh niên.
- Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn cho các xã, phường, thị trấn tổ chức thực hiện kế hoạch.
- Kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch và tổng hợp báo cáo kết quả theo quy định về Chi cục Dân số - KHHGĐ tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án "Tăng cường tư vấn và cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGĐ cho vị thành niên/thanh niên" năm 2020. Sở Y tế đề nghị các đơn vị tổ chức, triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện về Sở Y tế (Chi cục Dân số - KHHGĐ) đúng thời gian quy định./.

Nơi nhận:

- Tổng cục DS-KHHGĐ;
- UBND tỉnh An Giang;
- BGĐ Sở Y tế;
- Phòng Kế hoạch - Tài chính (Sở Y tế);
- LĐ Chi Cục DS;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Trung tâm Y tế huyện, thị, tp;
- Lưu VT; NVY, CCDS.



Từ Quốc Tuấn

Phụ lục 1: Mục tiêu của Đề án

STT	Chỉ báo	ĐVT	Mục tiêu
1	Kiến thức, thái độ và kỹ năng thực hành của VTN/TN về KHHGD được nâng lên		
	+ Tăng hiểu biết cơ bản về một số vấn đề Dân số - KHHGD như các biện pháp tránh thai, tác hại của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân Vị thành niên/thanh vào năm 2020	%	55
2	Tăng cường cung cấp dịch vụ Dân số - KHHGD cho vị thành niên/thanh niên		
	+ Giảm nhu cầu KHHGD chưa được đáp ứng của vị thành niên/thanh niên vào năm 2020	%	15
	+ Giảm số vị thành niên/thanh niên có thai ngoài ý muốn vào năm 2020 so với năm 2016	%	20
	+ Tăng tỷ lệ điểm cung cấp dịch vụ Dân số- KHHGD thân thiện với vị thành niên/thanh niên tại địa bàn triển khai vào năm 2020 so với 2016	%	20
3	Môi trường gia đình, xã hội thân thiện đối với vị thành niên/thanh niên được cải thiện		
	+ Cấp ủy Đảng, chính quyền có văn bản chỉ đạo tạo môi trường xã hội thân thiện, ủng hộ vị thành niên/thanh niên	%	80
	+ Cha mẹ có con trong tuổi vị thành niên/thanh niên ủng hộ, hướng dẫn, hỗ trợ con cái chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ Dân số - KHHGD.	%	50

Phụ lục 2: Dự kiến một số kết quả, chỉ tiêu

STT	Chỉ báo	ĐVT	Năm 2020
1	Truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi		
	+ Vị thành niên/ thanh niên được cung cấp kiến thức, thái độ và kỹ năng thực hành về Dân số-KHHGĐ	%	70
	+ Vị thành niên/ thanh niên được tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân.	%	50
	+ Cán bộ truyền thông tham gia Đề án được trang bị kiến thức kỹ năng truyền thông, giáo dục đối với vị thành niên/ thanh niên.	%	80
2	Củng cố, hoàn thiện hệ thống cung cấp dịch vụ Dân số-KHHGĐ thân thiện với vị thành niên/ thanh niên		
	+ Tăng tỷ lệ điểm cung cấp dịch vụ Dân số-KHHGĐ thân thiện với vị thành niên/ thanh niên tại địa bàn triển khai vào năm 2020 so với hiện nay.	%	75
	+ Người cung cấp dịch vụ được trang bị kiến thức, kỹ năng cung cấp dịch vụ thân thiện với vị thành niên/ thanh niên.	%	65
	+ Giảm nhu cầu KHHGĐ chưa được đáp ứng của vị thành niên/ thanh niên xuống vào năm 2020	%	15
	+ Giảm số vị thành niên/ thanh niên có thai ngoài ý muốn vào năm 2020 so với hiện nay.	%	50
3	Tạo môi trường gia đình, xã hội thân thiện		
	+ Cấp ủy Đảng, chính quyền có văn bản chỉ đạo tạo môi trường xã hội thân thiện, ủng hộ vị thành niên/ thanh niên.	%	80
	+ Ban, ngành, đoàn thể có hướng dẫn về việc tổ chức thực hiện các biện pháp bảo đảm cho vị thành niên/ thanh niên được chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và thực hiện các dịch vụ Dân số-KHHGĐ	%	80
	+ Cha mẹ có con trong tuổi vị thành niên/ thanh niên ủng hộ, hướng dẫn, hỗ trợ con cái chủ động tìm hiểu thông tin, kiến thức và tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ Dân số-KHHGĐ.	%	50

PL 3: Danh sách khu công nghiệp

STT	Đơn vị	Khu công nghiệp	Địa chỉ	Ghi chú
1	TP. Long Xuyên	Khu công nghiệp -TTCN Tây Huề 1	Tp. Long Xuyên - An Giang	
2	Tx. Tân Châu	Khu công nghiệp Tân Châu	Khu kinh tế cửa khẩu -Tân Châu	
3	H. An Phú	Khu Công nghiệp Khánh Bình	Khu kinh tế cửa khẩu Khánh Bình	
4	H. Phú Tân	Khu Công nghiệp Tân Trung	Huyện Phú Tân - An Giang	
5	H. Tịnh Biên	Khu công nghiệp Xuân Tô	Huyện Tịnh Biên - An Giang	
6	H. Châu Phú	Khu công nghiệp Bình Long	Huyện Châu Phú - An Giang	
7	H. Chợ Mới	Khu công nghiệp Hội An	H. Chợ Mới - An Giang	
8	H.Châu Thành	Khu công nghiệp Bình Hòa	H. Châu Thành - An Giang	
9	H. Thoại Sơn	Khu công nghiệp Phú Hòa	Huyện Thoại Sơn - An Giang	

Danh sách trường THPT trên địa bàn tỉnh An Giang

STT	Đơn vị	Tên trường	Ghi chú
1	TP. Long Xuyên	THPT Long Xuyên	
2		THPT Thoại Ngọc Hầu	
3		THPT Nguyễn Công Trứ	
4		THPT Nguyễn Hiền	
5		THPT Sư phạm thực hành	
6		THPT Mỹ Hòa Hưng	
7	TP. Châu Đốc	THPT DTNT AG	
8		THPT Châu Thị Tế	
9		THPT Thủ Khoa Nghĩa	
10		THPT Võ Thị Sáu	
11	TX. Tân Châu	THPT Tân Châu	
12		THPT Vĩnh Xương	
13		THPT Nguyễn Sinh Sắc	
14		THPT Nguyễn Quang Diêu	
14		THPT Châu Phong	
16	H. An Phú	THPT An Phú	
17		THPT Lương Thế Vinh	
18		THPT Vĩnh Lộc	
19		THPT Quốc Thái	
20	H. Phú Tân	THPT Nguyễn Chí Thanh	
21		PT Phú Tân	
22		THPT Chu Văn An	
23		THPT Bình Thạnh Đông	
24		THPT Hòa Lạc	
25	H. Tịnh Biên	THPT Tịnh Biên	
26		THPT Xuân Tô	
27		THPT Chi Lăng	
28	H. Tri Tôn	THPT Nguyễn Trung Trực	
29		THPT Ba Chúc	
30		PT Cô Tô	

31	H. Châu Phú	THPT Trần Văn Thành	
32		THPT Châu Phú	
33		THPT Bình Mỹ	
34		THPT Thạnh Mỹ Tây	
35		PT Bình Long	
36	H. Châu Thành	THPT Nguyễn Bình Khiêm	
37		THPT Cần Đăng	
38		THPT Vĩnh Bình	
39	H. Chợ Mới	THPT Nguyễn Hữu Cảnh	
40		THPT Châu Văn Liêm	
41		THPT Nguyễn Văn Hưởng	
42		THPT Huỳnh Thị Hưởng	
43		THPT Lương Văn Cù	
44		THPT Ung Văn Khiêm	
45		THPT Võ Thành Trinh	
46	H. Thoại Sơn	THPT Vọng Thê	
47		THPT Nguyễn Văn Thoại	
48		THPT Vĩnh Trạch	
49		THPT Nguyễn Khuyến	
	Tổng cộng	49 điểm trường	

**NHU CẦU KINH PHÍ CHO ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG TƯ VẤN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ
DÂN SỐ- KHHGD CHO VỊ THÀNH NIÊN/THANH NIÊN NĂM 2020**
(Kinh phí địa phương)

(Kinh phí địa phương)											
Số TT	Các hoạt động	ĐVT	Số lượng	Số lần thực hiện	Thời gian thực hiện			Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú	
1	Truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi										
1.1	Các hoạt động truyền thông DS-KHHGD	-	-	-	-		-	-	-	201.450.000	
	+ Tổ chức nói chuyện chuyên đề cho vị thành niên/thanh niên tại cơ sở về giới, bình đẳng giới, Dân số-KHHGD	cuộc	82	-	Huyện, thị, thành phố	1	quý	Quý 2+3	1.350.000	110.700.000	
	+ Khung chữ	khung	1	-	-	1	buổi	-	350.000	350.000	Thanh toán theo chứng từ thực tế
	+ Nước uống	Người	30	-	-	1	buổi	-	15.000	450.000	
	+ Báo cáo viên	Người	1	-	-	1	buổi	-	200.000	200.000	
	+ Người phục vụ	Người	1	-	-	1	buổi	-	50.000	50.000	
	+ Thuê địa điểm	Điểm	1	-	-	1	buổi	-	300.000	300.000	
1.2	Các hoạt động truyền thông chuyên biệt	Cuộc	1	11	Huyện, thị, thành phố		-	-	-	90.750.000	
	+ Tổ chức các cuộc thi kiến thức, thi tìm hiểu về các vấn đề Dân số-KHHGD	Cuộc	1	11	Huyện, thị, thành phố	1	lần	Quý 3	8.250.000	90.750.000	
	+ Âm thanh, ánh sáng	HT	1	11	-	-	-	-	2.000.000	22.000.000	Căn cứ Điều 22 điểm 7 của QĐ số 87/2017/QĐ-UBND ngày 02/12/2017 quyết định ban hành về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh An Giang
	+ Khung chữ hội thi	Khung	1	11	-	-	-	-	500.000	5.500.000	
	+ Ban tổ chức	Người	2	11	-	-	-	-	200.000	4.400.000	
	+ BGK + Thư ký	Người	4	11	-	-	-	-	200.000	8.800.000	
	+ Người phục vụ	Người	2	11	-	-	-	-	50.000	1.100.000	
	+ Nước uống	ly	80	11	-	-	-	-	15.000	13.200.000	
	* Giải nhất	Giải	1	11	-	-	-	-	1.000.000	11.000.000	
	* Giải nhì	Giải	1	11	-	-	-	-	800.000	8.800.000	

	* Giải ba	Giải	1	11	-	-	-	-	600.000	6.600.000	
	* Giải khuyến khích	Giải	2	11	-	-	-	-	400.000	8.800.000	
	+ Chụp hình	Tấm	1	11	-	-	-	-	50.000	550.000	
										66.150.000	
2	Mô hình truyền thông về Dân số - KHHGĐ, SKSS cho vị thành niên/thanh niên trong nhà trường										
	+ Phối hợp truyền thông giáo dục giữa các đơn vị của hệ thống Dân số- KHHGĐ với các nhà trường thực hiện các hoạt động truyền thông giáo dục về Dân số- KHHGĐ cho học sinh, sinh viên.			49	P.DS huyện + trường PTTH			Quý 3	1.350.000	66.150.000	
	+ Băng ron	Tấm	1	49	-	1	buổi	-	300.000	14.700.000	Thanh toán theo chứng từ thực tế
	+ Nước uống	người	50	49	-	1	buổi	-	15.000	36.750.000	
	+ Báo cáo viên	người	1	49	-	1	buổi	-	200.000	9.800.000	
	+ Người phục vụ	người	2	49	-	1	buổi	-	50.000	4.900.000	
										14.850.000	
3	Tạo môi trường gia đình, xã hội thân thiện										
	+ Cung cấp thông tin, truyền thông cho các bậc cha mẹ, ông bà, anh chị của vị thành niên/thanh niên về lợi ích của việc bảo đảm cho vị thành niên/thanh niên			11	Huyện, thị, thành phố	1	buổi	Quý 3	1.350.000	14.850.000	
	+ Băng ron	Tấm	1	11	-	-	-	-	350.000	3.850.000	Thanh toán theo chứng từ thực tế
	+ Nước uống	người	30	11	-	-	-	-	15.000	4.950.000	
	+ Báo cáo viên	người	1	11	-	-	-	-	200.000	2.200.000	
	+ Người phục vụ	người	1	11	-	-	-	-	50.000	550.000	
	+ Thuê địa điểm	Điểm	1	11	-	-	-	-	300.000	3.300.000	
										17.550.000	
4	Kiểm tra, giám sát các hoạt động truyền thông (CCDS tỉnh)										
	+ Công tác phí từ tỉnh đến các huyện, thị, thành phố.	người	3	11	huyện, thị, thành phố	1	ngày	quý 4	150.000	4.950.000	Thanh toán theo định mức quy chế chi tiêu nội bộ
	+ Tiền xăng	xe	1	11	-	-	-	-	1.145.455	12.600.000	
										300.000.000	
	Tổng cộng										
	Bằng chữ: (Ba trăm triệu đồng chẵn)										

Handwritten signature

Phụ lục 6
**PHÂN BỐ KINH PHÍ CHO ĐỀ ÁN TĂNG CƯỜNG TƯ VẤN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ
 DÂN SỐ- KHHGĐ CHO VỊ THÀNH NIÊN/THANH NIÊN NĂM 2020**
 (Kinh phí địa phương)

Số TT	Đơn vị	Cộng	Truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi		Phối hợp truyền thông giáo dục giữa các đơn vị của hệ thống Dân số- KHHGĐ với các nhà trường thực hiện các hoạt động truyền thông giáo dục về Dân số-KHHGĐ cho học sinh.		Cung cấp thông tin, truyền thông cho các bậc cha mẹ, ông bà, anh chị của vị thành niên/thanh niên về lợi ích của việc bảo đảm cho vị thành niên/thanh niên		Kiểm tra, giám sát
			Tổ chức nói chuyện chuyên đề cho vị thành niên/thanh niên tại cơ sở về giới, bình đẳng giới, Dân số-KHHGĐ	Tổ chức các cuộc thi kiến thức, thi tìm hiểu về các vấn đề Dân số-KHHGĐ					
			Số cuộc	kinh phí	kinh phí	Điểm trường	Kinh phí	Kinh phí	Kinh phí
1	Tp. Long Xuyên	27.150	7	9.450	8.250	6	8.100	1.350	0
2	TP. Châu Đốc	20.400	4	5.400	8.250	4	5.400	1.350	0
3	TX. Tân Châu	25.800	7	9.450	8.250	5	6.750	1.350	0
4	H. An Phú	24.450	7	9.450	8.250	4	5.400	1.350	0
5	H. Phú Tân	29.850	10	13.500	8.250	5	6.750	1.350	0
6	H. Tịnh Biên	21.750	6	8.100	8.250	3	4.050	1.350	0
7	H. Tri Tôn	24.450	8	10.800	8.250	3	4.050	1.350	0
8	H. Châu Phú	25.800	7	9.450	8.250	5	6.750	1.350	0
9	H. Chợ Mới	32.550	10	13.500	8.250	7	9.450	1.350	0
10	H. Châu Thành	23.100	7	9.450	8.250	3	4.050	1.350	0
11	H. Thoại Sơn	27.150	9	12.150	8.250	4	5.400	1.350	0
	CCDS-KHHGĐ	17.550	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	300.000	82	110.700	90.750	49	66.150	14.850	17.550